

Số: 2109 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá Cổng/Trang thông tin điện tử
của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin liên lạc;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 71/TTr-STTTT ngày 31/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí đánh giá Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND tỉnh ban hành Bộ Tiêu chí tự đánh giá, xếp loại Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu xây dựng các cơ chế có liên quan và hướng dẫn thực hiện, đảm bảo việc triển khai, thực hiện Bộ Tiêu chí trên đại bàn tỉnh đạt hiệu quả thiết thực.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, P.VX, TT.TH-CB;
- Lưu: VT (Ng-qđ09). 6k



Nguyễn Huy Phong

BỘ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ CÔNG/TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2109 /QĐ-UBND ngày 07 / 11 /2013
của Ủy ban nhân tỉnh)

Tên cơ quan:.....
Địa chỉ Công/Trang thông tin điện tử chính thức của Cơ quan:
http://.....
Họ và tên người cung cấp thông tin:
Chức vụ:.....Đơn vị công tác:
Điện thoại:.....Di động:
Địa chỉ e-mail:

I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG/TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Lưu ý: Đánh dấu "X" vào điểm phù hợp trong các câu hỏi)

1. Phân loại Công/Trang thông tin điện tử: (5 điểm)

- Hệ thống hiện đang sử dụng là:

- Trang thông tin điện tử Công thông tin điện tử

- Hệ thống có đăng văn bản thành lập Công/Trang thông tin điện tử và liên kết để xem nội dung văn bản.

- Có Không

- Nếu là Công thông tin điện tử, xin cho biết:

Hệ thống có đáp ứng các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật của công thông tin điện tử theo Công văn số 1654/BTTTT-UDCNTT ngày 27/5/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Có Không

- Nếu là Trang thông tin điện tử, xin cho biết:

Hệ thống có đáp ứng các yêu cầu cơ bản theo Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT, ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Có Không

2. Đánh giá về cung cấp thông tin

Khoanh tròn vào điểm phù hợp trong cột "Tự đánh giá"

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá
-----	----------	-------------

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
		Đầy đủ (8 điểm)	Chưa đầy đủ (4 điểm)	Chưa có (0 điểm)
1	Thông tin giới thiệu của cơ quan và của từng đơn vị trực thuộc			
a	- Thông tin giới thiệu chung: sơ đồ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và đơn vị trực thuộc, tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan (<i>dành cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</i>). - Thông tin về địa lý, điều kiện tự nhiên, dân số, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng, diện tích đối với tỉnh/huyện/thị xã (<i>dành cho UBND các huyện, thị xã</i>).	2	1	0
b	Thông tin về lãnh đạo trong cơ quan (<i>họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị, ưu tiên các đơn vị sử dụng thư điện tử của UBND tỉnh (mail.binhphuoc.gov.vn)</i>)	2	1	0
c	Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan (<i>bao gồm địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin, ưu tiên các đơn vị sử dụng thư điện tử của UBND tỉnh (mail.binhphuoc.gov.vn)</i>)	2	1	0
d	Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền (<i>họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, ưu tiên các đơn vị sử dụng thư điện tử của UBND tỉnh (mail.binhphuoc.gov.vn)</i>)	2	1	0
2	Quy trình đăng tin bài	Đầy đủ (6 điểm)	Chưa đầy đủ (3 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Nêu rõ nguồn tin	2	1	0
b	Nêu rõ tác giả	2	1	0
c	Thời gian cập nhật	2	1	0
3	Bố cục giao diện	Đầy đủ (2 điểm)	Chưa đầy đủ (1 điểm)	Chưa có (0 điểm)

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
	Bố cục, giao diện thuận tiện với người tiêu dùng Theo quy định tại Thông tư 26/2009/TT-BTTTT, ngày 31/7/2009 về: Giao diện, Mục thông tin chủ yếu, Bố cục trang chủ trên màn hình, bao gồm 5 phần: phần đầu trang ở phía trên cùng, phần thông tin bên trái, phần thông tin bên phải, phần thông tin chính ở giữa và phần chân trang	2	1	0
4	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan	Đầy đủ (10 điểm)	Chưa đầy đủ (5 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Danh sách các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản hành chính có liên quan (<i>hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu</i>)	2	1	0
b	Cho phép tải về tất cả các văn bản quy phạm pháp luật	2	1	0
c	Cho phép đọc được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua liên kết	2	1	0
d	Phân loại các văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực, ngày ban hành, cơ quan ban hành, hình thức văn bản	2	1	0
e	Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật	2	1	0
5	Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	Đầy đủ (10 điểm)	Chưa đầy đủ (5 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Thông báo danh mục các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công trực tuyến đang thực hiện	2	1	0
b	Đối với mỗi dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến cần nêu rõ quy trình, thủ tục, hồ sơ, nơi tiếp nhận, tên và thông tin giao dịch của người trực tiếp xử lý hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí và lệ phí (nếu có)	2	1	0
c	Đối với dịch vụ hành chính công trực tuyến: nêu rõ mức độ của dịch vụ hành chính công trực tuyến.	2	1	0

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
d	Các dịch vụ công trực tuyến được tổ chức, phân loại theo ngành, lĩnh vực	2	1	0
e	Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử	2	1	0
6	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành	Đầy đủ (6 điểm)	Chưa đầy đủ (3 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	- Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật nói chung	2	1	0
b	- Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch của ngành, đơn vị	2	1	0
c	- Các thông tin có thể được tìm kiếm theo lĩnh vực, thời gian, cơ quan ban hành, từ khóa.	2	1	0
7	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Đầy đủ (2 điểm)	Chưa đầy đủ (1 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất (Mỗi dự án có tối thiểu các thông báo như đã dự thảo)	1	0.5	0
b	Danh sách các gói thầu mời thầu trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Mỗi dự án cần có tối thiểu các thông tin: Bên mời thầu, tên gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bán(phát hành) hồ sơ và thời điểm đóng thầu (kết thúc) nhận hồ sơ, nộp hồ sơ, nguồn vốn)	1	0.5	0
8	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	Đầy đủ (2 điểm)	Chưa đầy đủ (1 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện	1	0.5	0
b	Kết quả các chương trình, đề tài sau khi đã được Hội đồng nghiệm thu bao gồm: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai áp dụng của công trình, đề tài	1	0.5	0

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
		Đầy đủ (2 điểm)	Chưa đầy đủ (1 điểm)	Chưa có (0 điểm)
9	Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân			
a	Danh sách các vấn đề xin ý kiến (văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách,)	1	0.5	0
b	Mỗi vấn đề xin ý kiến cần cung cấp các thông tin và chức năng (thời hạn tiếp nhận ý kiến; toàn văn nội dung vấn đề xin ý kiến; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới)	1	0.5	0
10	Thông tin quản lý, chỉ đạo, điều hành	Đầy đủ (4 điểm)	Chưa đầy đủ (2 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Ý kiến chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước	1	0.5	0
b	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	1	0.5	0
c	Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với cá nhân, tập thể, doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	1	0.5	0
d	Lịch làm việc của lãnh đạo địa phương, đơn vị	1	0.5	0
11	Nội dung thông tin	Đầy đủ (7 điểm)	Chưa đầy đủ (3.5 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chuyên mục thông tin theo Luật Công nghệ thông tin, các văn bản pháp quy có liên quan và theo chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị	1	0.5	0
b	Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước	1	0.5	0
c	Quảng bá, tuyên truyền hoạt động của Bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực quản lý	1	0.5	0
d	Bảo đảm tính chính xác và sự thống nhất về nội dung của thông tin	1	0.5	0
e	Có quy định về cung cấp thông tin, tần số cập nhật	1	0.5	0
f	Có thông tin bằng tiếng nước ngoài	1	0.5	0

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
g	Có Ban Biên tập	1	0.5	0
12	Chức năng hỗ trợ khai thác thông tin	Đầy đủ (11 điểm)	Chưa đầy đủ (5,5 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Có chức năng tìm kiếm và tìm kiếm được đầy đủ, chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có trên Trang thông tin điện tử. Có thêm tính năng tìm kiếm nâng cao.	1	0.5	0
b	Có sơ đồ website thể hiện đầy đủ, chính xác cây cấu trúc các hạng mục thông tin của trang thông tin điện tử; đảm bảo liên kết đúng tới các mục thông tin hoặc chức năng tương ứng	1	0.5	0
c	Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân	1	0.5	0
d	Mỗi tin bài có chức năng in ấn, sao chép thông tin	1	0.5	0
e	Tại mỗi trang thông tin có đường liên kết đến trang chủ, mục giới thiệu/liên hệ; Sơ đồ Trang thông tin điện tử tại mỗi trang thông tin	1	0.5	0
g	Sử dụng Bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001	1	0.5	0
h	Tương thích với nhiều trình duyệt (IE, Firefox, Opera, Safari,...)	1	0.5	0
i	Có liên kết tới website của các đơn vị trực thuộc và các cơ quan liên quan	1	0.5	0
k	Sử dụng công cụ đa phương tiện (audio, video,...) để hỗ trợ trong việc truyền tải thông tin	1	0.5	0
l	Cung cấp công cụ cho phép người truy cập đánh giá xếp hạng đối với một số nội dung thông tin mà cơ quan cung cấp	1	0.5	0
m	Có chức năng cho phép tổ chức, cá nhân theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến	1	0.5	0
13	Cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin	Đầy đủ (10 điểm)	Chưa đầy đủ (5 điểm)	Chưa có (0 điểm)

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
a	Tin tức, sự kiện: cập nhật kịp thời ngay khi diễn ra hoạt động sự kiện	1	0.5	0
b	Thời gian cập nhật không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành đối với các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản	1	0.5	0
c	Thông tin giới thiệu, thông tin chỉ đạo, điều hành được cập nhật thường xuyên khi có thay đổi, điều chỉnh	2	1	0
d	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách được cập nhật không quá 15 ngày làm việc sau khi chính thức được ban hành	1	0.5	0
e	Thông tin về chiến lược, định hướng và quy hoạch phát triển, và thông tin về hạng mục đầu tư đấu thầu mua sắm công được cập nhật sau 10 ngày làm việc sau khi được phê duyệt	1	0.5	0
f	Thời gian trả lời câu hỏi hoặc quá trình xử lý không quá 15 ngày kể từ khi tiếp nhận câu hỏi	1	0.5	0
g	Thời gian cập nhật thông tin về chương trình, đề tài khoa học không quá 20 ngày làm việc kể từ khi chương trình, đề tài được phê duyệt hoặc sau khi chương trình đề tài được nghiệm thu	1	0.5	0
h	Thời gian cập nhật thông tin báo cáo thống kê không quá 10 ngày kể từ khi thông tin được thủ trưởng cơ quan quyết định công bố	1	0.5	0
i	Có đính kèm tài liệu sử dụng mã nguồn mở theo quy định tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước.	1	0.5	0
14	Đảm bảo an toàn thông tin	Đầy đủ (8 điểm)	Chưa đầy đủ (4 điểm)	Chưa có (0 điểm)
a	Có cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập vào các thông tin, dịch vụ cần phải định danh người truy cập nhằm đảm bảo an toàn cho Trang thông tin điện tử trong quá trình khai thác, vận hành	1	0.5	0
b	Có nội quy, quy chế về việc đảm bảo an toàn thông tin cá nhân áp dụng cho cán bộ, công chức trong nội bộ cơ quan	1	0.5	0

STT	TIÊU CHÍ	Tự đánh giá		
c	Đảm bảo khả năng an toàn, bảo mật theo nhiều mức: mức mạng, mức xác thực người sử dụng, mức cơ sở dữ liệu	1	0.5	0
d	Dữ liệu tối thiểu cần được sao lưu: dữ liệu cấu hình hệ thống (quản lý người sử dụng; cấu hình thiết lập kênh thông tin,...); cơ sở dữ liệu lưu trữ nội dung và các dữ liệu liên quan khác	1	0.5	0
d	Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu (tối thiểu 01 lần/tuần)	1	0.5	0
e	Sử dụng hệ thống phòng thủ (firewall)/ thiết bị phòng chống xâm nhập (IDS/IPS), hoặc tường lửa mức ứng dụng web (WAF)	1	0.5	0
g	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống chống virus hay hệ thống xâm nhập máy tính	1	0.5	0
h	Có cơ chế theo dõi, giám sát, lưu vết tất cả các hoạt động cho mỗi kênh thông tin và toàn hệ thống	1	0.5	0

II. Trả lời một số câu hỏi khác (4.5 điểm)

Tổng số tin, bài được cập nhật trong năm đối với mỗi mục tin sau:

1. Tin tức, sự kiện, thông tin tuyên truyền, thông tin chỉ đạo, điều hành, tin bài được dịch sang tiếng nước ngoài:..... tin, bài.

- (Nếu: từ 200 → 300 tin, bài thì được 1.5 điểm; 100 → 200 tin, bài thì được 1 điểm, dưới 100 tin, bài thì được 0.5 điểm)

2. Tổng số câu hỏi tiếp nhận qua Trang thông tin điện tử: câu hỏi.

Tổng số câu hỏi được cơ quan trả lời: câu hỏi.

- (Nếu: Trả lời đạt 100% các câu hỏi được tiếp nhận thì đạt 1 điểm, không đạt 100% thì được 0,5 điểm)

3. Đã ban hành Quy chế quản lý, vận hành và duy trì Cổng/Trang thông tin điện tử: (Nếu có thì được 1 điểm, ngược lại 0 điểm)

Có Không

Nếu có xin cho biết liên kết (link) đăng tải văn bản:.....

4. Đã thành lập Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử (Nếu có thì được 1 điểm, ngược lại 0 điểm):

Có Không

Nếu Có, xin cho biết chi tiết:

- Tổng số thành viên của Ban Biên tập: (người)

- Số thành viên xử lý dịch vụ công trực tuyến: (người)



- Số thành viên quản trị kỹ thuật:(người)
- Số thành viên biên tập Công/Trang thông tin:.....(người)
- Xin cho biết liên kết (link) đăng tải quyết định thành lập Ban Biên tập: ,

III. Đánh giá về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (4.5 điểm)

1. Tổng số dịch vụ hành chính công (số lượng thủ tục hành chính của đơn vị):

Nếu: Cung cấp đầy đủ 100% số DVC của đơn vị thì đạt 01 điểm, không đạt 100% thì được 0,5 điểm, nếu không có thì 0 điểm

2. Tổng số dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 1:

Nếu cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 thì được 0.5 điểm, chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 thì 0 điểm (ghi rõ lý do chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1)

3. Tổng số dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2:

Nếu cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 thì được 1 điểm, chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 thì 0 điểm (ghi rõ lý do chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2)

4. Tổng số dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3:

Nếu cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thì được 1,5 điểm, chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thì 0 điểm (ghi rõ lý do chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3)

5. Cơ quan có chấp nhận sử dụng các mẫu biểu mà tổ chức, cá nhân tải về từ Trang thông tin điện tử của cơ quan (Nếu có thì được 0.5 điểm, nếu không thì 0 điểm):

Có

Không

Ghi chú: Nếu chỉ cung cấp DVC trực tuyến mức độ 1 thì được 0,5 điểm; cung cấp DVC mức độ 2 thì được 1 điểm, cung cấp DVC mức độ 3 thì được 1,5 điểm.

IV. Xếp loại

- “Tốt” : Đạt từ 85 điểm đến 100 điểm
- “Khá” : Đạt từ 70 điểm đến 84 điểm
- “Trung bình” : Đạt từ 55 điểm đến 69 điểm
- “Chưa đạt” : Số điểm chưa đạt 55 điểm

....., ngày tháng năm 2013

....., ngày tháng năm

Người khai

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên và đóng dấu)